

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2025/DS-PT

Ngày: 28-3-2025

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Kiều Kim Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Võ Thị Trang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31/12/2024 và 28/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 623/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 102/2025/TB-TA ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh P, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số H, ấp L, xã L, huyện L, Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 23/10/2023)

Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1965.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ú: Bà Trần Thị Kiều L1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 22/7/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ú: Luật sư Trần Anh H, thuộc Công ty TNHH MTV Đ và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Tòa nhà E - E (Tầng B), đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Kiều L1, sinh năm 1968;

3.2. Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1999;

Người đại diện theo ủy quyền của chị O: Bà Trần Thị Kiều L1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền ngày 22/7/2024)

3.3. Anh Nguyễn Anh H1, sinh năm 16/11/2006.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh H1: Bà Trần Thị Kiều L1, sinh năm 1968 (mẹ ruột của Nguyễn Anh H1).

Cùng địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn Ú là bị đơn.

Bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh P là bà Đỗ Thị Kim L trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 237, tờ bản đồ 22, hiện ông Đỗ

Thanh P đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do thừa kế của ông Đỗ Văn B (cha ông P), có diện tích 542,2 m² bao gồm 442,1m² đất trồng cây lâu năm và 100,1m² đất ở nông thôn và phần đất dưới mé sông có chiều ngang 8m, dài 9m (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phần đất dưới mé sông này vào năm 1994 ông B cho ông Nguyễn Văn H2 (anh trai ông Ú) ở nhờ làm bột được 02 năm trả lại, sau đó đến ông Nguyễn Văn T (em trai ông Ú) xin ở nhờ 03 năm thì để lại cho ông Nguyễn Văn Ú xây dựng nhà ở từ năm 1999 cho đến nay, trong lúc khó khăn nghĩ là bà con do mẹ của ông P (bà Lưu Thị H3) và mẹ ông Ú (bà Lưu Thị S) là chị em ruột nên ông B (chồng bà H3) và phía ông B chưa có nhu cầu sử dụng phần đất mé sông nên cha ông P đã cho các con của bà S ở nhờ, ông P chưa kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng ông P được biết do ông P có quyền sử dụng đất thửa đất số 237, tờ bản đồ 22 nên phần đất dưới mé sông cũng thuộc quyền sở hữu của ông P. Đồng thời, hiện hoàn cảnh gia đình ông P đang gặp khó khăn, trong khi phía ông Ú đã có điều kiện hơn nên ông P yêu cầu trả lại phần đất này để gia đình sử dụng. Việc cho ở nhờ do là bà con nên không có làm giấy tờ. Phía ông Ú cho rằng ở trên đất do bà Lưu Thị S nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị H3 mẹ ruột ông P nên không đồng ý giao trả đất là không đúng.

Nay anh Đỗ Thanh P yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 phải trả lại cho ông P phần đất diện tích 40,2m² thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-1 theo sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 12/6/2024 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ 22 lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Ông P đồng ý trả giá trị căn nhà do vợ chồng ông Ú xây dựng trên đất (diện tích 37m² theo sơ đồ đo đạc ngày 12/6/2024) là 31.668.000đ theo giá Hội đồng định giá ngày 02/5/2024 để gia đình ông Ú di dời trả lại đất. Do phía gia đình ông P có nhu cầu sử dụng đất nên không đồng ý nhận giá trị đất. Đồng thời, ông P tự nguyện hỗ trợ cho phía ông Ú số tiền là 5.000.000đ để di dời tài sản, giao lại nhà, đất cho ông P. Đồng thời, ông P đồng ý cho phía ông Ú được lưu cư 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phía ông P thống nhất giá thị trường phần đất tranh chấp là 3.000.000đ/m². Ngoài ra, ông P không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú ủy quyền cho bà Trần Thị Kiều L1, và bà Trần Thị Kiều L1 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kiều O và đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Anh H1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với bị đơn) trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 40,2m² thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-1 hiện ông Ú và gia đình đang quản lý sử dụng là của bà Lưu Thị H3 (mẹ của ông P) chuyển nhượng cho mẹ của ông Ú là bà Lưu Thị S vào năm 1992, do bà S là em ruột của bà H3 nên khi chuyển nhượng không có làm giấy tờ, không có chứng cứ gì chứng minh. Sau khi nhận chuyển nhượng thì năm 1992 ông Nguyễn Văn H2 (anh trai ông Ú) đã sử dụng làm bột được 02 năm thì giao lại cho ông Nguyễn Văn T (em trai ông Ú) sử dụng 3 năm thì để lại cho ông Nguyễn Văn Ú, từ năm 1999 ông Ú xây dựng nhà ở cho đến nay, ổn định, không có tranh chấp.

Do đó, ông Ú không đồng ý theo yêu cầu của ông P, ông Ú yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này, vì phía ông Ú không có ở nhờ trên đất của ông P như ông P trình bày mà phần đất này mẹ của ông Ú đã nhận chuyển nhượng của mẹ ông P, hiện bà S đã chết.

Trường hợp, Tòa án xét xử buộc ông Ú, bà L1, chị O, anh H1 di dời trả đất, thì ông Ú, bà L1 yêu cầu nhận giá trị căn nhà xây dựng trên đất (diện tích 37 m²) là 31.668.000đ theo giá Hội đồng định giá ngày 02/5/2024.

Chị O, bà L1 đại diện anh H1 thống nhất ý kiến trình bày của ông Ú. Phía ông Ú thống nhất giá thị trường phần đất tranh chấp là 3.000.000đ/m². Ngoài ra, ông Ú, bà L1, chị O, anh H1 không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh P về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ú.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 di dời tài sản, trả lại diện tích đất 40,2m² thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-1 theo sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 12/6/2024 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ 22 lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cùng căn nhà trên đất cho ông Đỗ Thanh P.

(Có sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 12/6/2024, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/5/2024 kèm theo)

- Buộc ông Đỗ Thanh P hoàn trả giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Trần Thị Kiều L1 số tiền là 31.668.000đ (Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Thanh P về việc hỗ trợ (di dời tài sản để giao nhà) cho ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và cho ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 lưu cư 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Đỗ Thị Kim L trình bày: Ông Đỗ Thanh P giữ nguyên việc khởi kiện, không thỏa thuận được với ông Nguyễn Văn Ú về giải quyết vụ án.

+ Bà Trần Thị Kiều L1 trình bày: Ông Nguyễn Văn Ú giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu xem xét lại Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đỗ Thanh P khởi kiện ông Nguyễn Văn Ú về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông Ú kháng cáo trong thời hạn nên hợp lệ. Ông Đỗ Thanh P ủy quyền cho bà Đỗ Thị Kim L; ông Nguyễn Văn Ú, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 ủy quyền cho bà Trần Thị Kiều L1, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp nên chấp nhận.

[2] Bà L trình bày, cụ B có cho ông H2, ông T và ông Ú mượn đất cất nhà làm bột, diện tích tranh chấp 40,2m², trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 trở về 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 12/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay ông Ú đang sử dụng đất và điều kiện kinh tế không còn khó khăn nên ông P yêu cầu ông Ú trả lại đất. Ông Ú yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất, vì đất do mẹ của ông Ú nhận chuyển nhượng của mẹ ông P.

[3] Xét thấy bà L1 thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Đỗ Văn B và cụ Lưu Thị H3 (cha mẹ của ông P), nhưng bà L1 cho rằng cụ H3 đã chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp cho mẹ của ông Ú là cụ Lưu Thị S. Theo bà L1 khai sau khi nhận chuyển nhượng đất vào năm 1992 thì các con của cụ S lần lượt quản lý sử dụng đất cất nhà ở gồm: ông H2, ông T đến ông Ú. Bà L cho rằng do cụ H3 và cụ S là chị em ruột, đồng thời phần đất tranh chấp giáp mé sông nên cụ B cho mượn đất để có điều kiện thuận tiện để làm bột. Việc cho mượn đất này bắt đầu từ năm 1994, các anh em của ông Ú lần lượt sử dụng gồm: ông H2, ông T và hiện nay là ông Ú. Tuy bà L và bà L1 chưa thống nhất về thời gian các anh em của ông Ú bắt đầu quản lý sử dụng đất, nhưng trên thực tế thì anh em của ông Ú có sử dụng đất. Bà L1 khai cụ S thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất của cụ H3 không làm giấy tờ, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cụ S thanh toán tiền cho cụ

6

H3 và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà L1 cũng không có chứng cứ mới chứng minh là cụ S đã nhận chuyển nhượng QSDĐ là có thật.

Tại Công văn số 659/UBND-HC ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã T ý kiến: Diện tích đất 40,2m² không thuộc đất công Nhà nước quản lý mà của gia đình có đất tiếp giáp phía trên sử dụng, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ông Đỗ Thanh P là người đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thửa 237 tờ bản đồ số 32 tiếp giáp với phần đất mé sông đang tranh chấp với ông Ú. Tại Công văn số 32/UBND-NC ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố S ý kiến: Phần đất có diện tích 40.2m² thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã T, thành phố S không nằm trong danh mục thu hồi đất năm 2025. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phần đất nêu trên là đất trồng cây lâu năm. Do phần đất tranh chấp có diện tích là 40,2m², chưa thể hiện thông tin chủ sử dụng nên không xác định được loại đất. Nên Ủy ban nhân dân thành phố không có cơ sở trả lời theo yêu cầu quý Tòa về cấp quyền sử dụng đất.

Qua nội dung trên cho thấy nguồn gốc đất là của ông P và Ú chỉ mượn sử dụng. Nay bà L1 (vợ ông Ú) đã có phần đất khác và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cùng với cháu của bà L1 là Lê Thanh L2 ở huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời nếu giao cho ông Ú tiếp tục sử dụng và trả giá trị đất cho ông P, thì diện tích đất tranh chấp cũng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Ú theo quy định của pháp luật. Đối với ông P đang có nhu cầu sử dụng đất và ông P cho rằng đất chưa có chủ trương kê khai đăng ký cấp QSDĐ nên thống nhất sử dụng đất theo đúng quy định và chấp hành việc quản lý đất đai của địa phương. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông Ú là không có cơ sở.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ú đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ú là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ú, bà L1, chị O giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ú, bà L1, chị O, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng có điều chỉnh cách tuyên án để bảo đảm thi hành án. Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ú, bà L1, chị O phải chịu tiền án phí mỗi người là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 91, 147, 157, Điều 165, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 103 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (Điều chỉnh cách tuyên án).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh P về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ú.

Buộc ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 di dời tài sản, trả lại diện tích đất 40,2m² thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-1 theo sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 12/6/2024 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ 22 lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cùng căn nhà trên đất cho ông Đỗ Thanh P.

Ông Đỗ Thanh P sử dụng đất theo đúng quy định và chấp hành việc quản lý đất đai của địa phương.

(Có sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 12/6/2024, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/5/2024 kèm theo).

Buộc ông Đỗ Thanh P hoàn trả giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Trần Thị Kiều L1 số tiền là 31.668.000đ (Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Thanh P về việc hỗ trợ (di dời tài sản để giao nhà) cho ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và cho ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 lưu cư 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Kiều L1, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Nguyễn Anh H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Ông Đỗ Thanh P nộp 1.583.400đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.080.000đ theo biên lai số 0004081 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ, ông Đỗ Thanh P còn phải nộp 503.400đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ú, bà L1, chị O phải chịu tiền án phí mỗi người là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp 300.000đ theo các biên lai thu số 0007820, số 0007818, số 0007819 cùng ngày 10/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 3.615.620đ. Ông P tự nguyện nộp, ông P đã tạm ứng và chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Vạng